

Số: 36/2021/QĐST – HNGĐ

Chương Mỹ, ngày 28 tháng 01 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ
SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯƠNG MỸ - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Mai.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Tiến Lợi và ông Nguyễn Ngọc Quý.

Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Luân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chương Mỹ tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu – Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 516/2020/TLST-HNGĐ ngày 12/11/2020 về việc “Ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2021/QĐST - HNGĐ ngày 12/01/2021 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị **Nguyễn Thị Q**, sinh năm 1987;

- **Bị đơn:** Anh **Nguyễn Đình U**, sinh năm 1982;

Đều ĐKKHKT và trú tại: Khu H, thị trấn CS, huyện C, Hà Nội

Có mặt: Anh U, chị Q.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Q và Anh U đã tự nguyện kết hôn vào ngày 27/9/2006 tại UBND xã TP, huyện C, Thành phố Hà Nội. Sau khi kết hôn thì vợ chồng chị ăn ở chung với gia đình nhà chồng tại xã TP. Đến tháng 9/2007, thì vợ chồng đã chuyển về sinh sống cùng với bố mẹ đẻ tại khu H, thị trấn CS, đồng thời thì Anh U cũng chuyển khẩu về nhà bố mẹ đẻ chị Q.

Trong quá trình chung sống vợ chồng chị hạnh phúc đến năm 2018 thì cuộc sống vợ chồng bắt đầu mâu thuẫn, lý do: Chị phát hiện (qua tin nhắn trong điện

thoại của Anh U) Anh U đã có quan hệ ngoài tình, Anh U không chu cấp tài chính cho chị để nuôi các con, Anh U đã cậy tú, lấy tiền của mẹ đẻ chị. Do vậy, từ tháng 12/2019 cho đến nay thì vợ chồng chị tuy vẫn sống chung trong một nhà, nhưng vợ chồng đã ăn riêng, ngủ riêng.

Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên vẫn giữ nguyên quan điểm xin ly hôn với Anh U. Anh U không nhất trí ly hôn.

Về con chung: Chị Q và Anh U có 03 con chung là: Nguyễn Thị Phương A, sinh ngày 09/11/2007; Nguyễn Đình Ngh, sinh ngày 01/10/2010; Nguyễn Thị Ngọc L, sinh ngày 13/12/2014.

Chị Q đề nghị được nuôi cả 03 con chung và nếu được nuôi cả 03 con thì chị cũng không yêu cầu Anh U phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh U nhất trí để chị Q nuôi dưỡng 03 con chung.

Về tài sản chung: Chị Q đề nghị nếu ly hôn, chị Q sẽ thanh toán cho Anh U 10.0000.000 đồng.

Tại phần phủ tặc của phiên tòa, các đương sự tự thống nhất, thỏa thuận giải quyết về toàn bộ nội dung vụ án: Anh U chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Q, cụ thể:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Anh U nhất trí ly hôn với chị Q.

- **Về con chung:** Anh U đồng ý chị Nguyễn Thị Q được quyền tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Nguyễn Thị Phương A, sinh ngày 09/11/2007; Nguyễn Đình Ngh, sinh ngày 01/10/2010; Nguyễn Thị Ngọc L, sinh ngày 13/12/2014 cho đến khi cả ba cháu đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác.

Anh Nguyễn Đình U có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở.

- **Về cấp dưỡng nuôi con chung:** Anh U đồng ý việc chị Q không yêu cầu Anh U cấp dưỡng nuôi con chung.

- **Về tài sản chung:** Anh Nguyễn Đình U đồng ý nhận thanh toán giá trị tài sản chung vợ chồng là 10.000.000 đồng từ chị Q.

- **Về án phí:** Chị Q tự nguyện chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm, Anh U nhất trí.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chương Mỹ tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:**

+ Về tố tụng: Từ khi thụ lý đến khi xét xử, Tòa án đã tuân thủ đúng các quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng

các quy định của pháp luật. Nguyên đơn, Bị đơn đã chấp hành đầy đủ và đúng quyền, nghĩa vụ tố tụng của họ.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Xét thấy việc Anh U và chị Q thỏa thuận chị Q nuôi dưỡng cả ba con chung là phù hợp với thực tế do hiện nay Anh U không có nơi ở ổn định, điều kiện chăm sóc các con chung không được đảm bảo. Do vậy, việc các đương sự tự nguyện thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án và thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Căn cứ khoản 1, 2 Điều 212; Điều 213; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a, đ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Nguyễn Thị Q và anh Nguyễn Đình U.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- **Về con chung:** Chị Nguyễn Thị Q và anh Nguyễn Đình U có 03 con chung là: Nguyễn Thị Phương A, sinh ngày 09/11/2007; Nguyễn Đình Ngh, sinh ngày 01/10/2010; Nguyễn Thị Ngọc L, sinh ngày 13/12/2014.

Chị Nguyễn Thị Q được quyền tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Nguyễn Thị Phương A; Nguyễn Đình Ngh; Nguyễn Thị Ngọc L cho đến khi cả ba cháu đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác.

Anh Nguyễn Đình U có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở.

- **Về cấp dưỡng nuôi con chung:** Ghi nhận sự tự nguyện của chị Q không yêu cầu Anh U cấp dưỡng nuôi con chung. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho Anh U cho đến khi có yêu cầu khác.

- **Về tài sản chung:** Chị Nguyễn Thị Q có trách nhiệm thanh toán cho anh Nguyễn Đình U 10.000.000 đồng.

Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo

mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị Q tự nguyện chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn là 150.000 (Một trăm năm mươi nghìn) đồng và án phí về chia tài sản chung là 250.000 đồng. Chị Q đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chương Mỹ theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 10299, ngày 12/11/2020. Chị Q còn phải nộp 100.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện Chương Mỹ;
- CC.THADS huyện Chương Mỹ;
- Các đương sự;
- UBND xã TP (số 55/2006, quyền số 01);
- Lưu HSVA/VP.

THẨM PHÁN

NGUYỄN THỊ TUYẾT MAI